

1st year

華語文課程 Khóahọc tiếng Hoa

每週上課15小時 Mỗi tuần lên lớp 15 giờ
2學期720小時 2 học kỳ tổng cộng 720 giờ

學生必須在一年內達華語文檢測A2 level.
Trong vòng 1 năm sinh viên bắt buộc phải thi đỗ trình độ A2 kỳ thi trắc nghiệm năng lực tiếng Hoa.

2nd year

↓
5th year

開放申請學系
Năm thứ 2 đến năm thứ 5 học phép xin đăng ký khoa/chuyên ngành

3個科系選擇 Chỉ được chọn 3 Khoa gồm



智慧科技應用系

Khoa Ứng dụng Công nghệ Thông minh



環境與安全衛生工程系

Khoa Kỹ thuật Môi trường, An toàn và Sức khỏe



食品科技系

Khoa Công nghệ Thực phẩm

學雜費 Học phí và phụ phí

學費+其他雜費 / 學期

Học phí + các phụ phí khác/học kỳ

15,000 Đài tệ/học kỳ (Năm thứ 1)

51,936~52,369 Đài tệ/học kỳ (Từ năm thứ 2)

保險 Bảo hiểm

僑生保險費 (前6個月)

Phí bảo hiểm của sinh viên Hoa kiều (6 tháng đầu)

Khoảng 580 Đài tệ/Tổng cộng (6 tháng)

僑生健保費 (第7個月起)

Bảo hiểm y tế của sinh viên Hoa kiều (kể từ tháng thứ 7)

* Chỉ dành cho những sinh viên cần được hỗ trợ tài chính

Khoảng 413 Đài tệ

(Nộp chứng nhận hộ n cảnh gia đ nh kh khăn c thể đăng ký trợ cấp)

Khoảng 826 Đài tệ/month (mỗi tháng)

外籍生保險費 (前6個月)

Phí bảo hiểm của sinh viên nước ngoài (6 tháng đầu)

Khoảng 500 Đài tệ/month (Mỗi tháng)

外籍生健保費 (第7個月起)

Bảo hiểm y tế của sinh viên nước ngoài (kể từ tháng thứ 7)

Khoảng 826 Đài tệ/month (Mỗi tháng)

生活費 Sinh hoạt phí

宿舍-雙人套房 / 學期

Ký túc xá - Phòng 2 người/học kỳ

NT\$ 15,000~17,000

不含保證金 Không gồm tiền đặt cọc(NT\$5,000)

宿舍-單人套房 / 學期

Ký túc xá - Phòng 1 người/học kỳ

NT\$ 30,000~34,000

不含保證金 Không gồm tiền đặt cọc(NT\$10,000)

生活費 / 月 Sinh hoạt phí/ mỗi tháng

Khoảng 8,000 ~ 10,000 Đài tệ

獎學金 Tiền học bổng

第2年開始，獎學金申請經審查通過

A級 NT\$ 50,000 / 學期

B級 NT\$ 30,000 / 學期

C級 NT\$ 10,000 / 學期

Bắt đầu từ năm thứ 2, nếu được cấp duyệt học bổng

Loại A được cấp : 50,000 Đài tệ/học kỳ

Loại B được cấp : 30,000 Đài tệ/học kỳ

Loại C được cấp : 10,000 Đài tệ/học kỳ



HUNGKUANG UNIVERSITY



國際專修部

Hệ Chuyên ban Quốc tế

1年華語先修課程+4年大學課程。

國際專修部第一年先修華語，一年內取得華語文能力測驗檢定TOCFL A2，正式進入大一就讀。

Language Proficiency Requirements

1 năm đầu học chương trình tiếng Hoa + 4 năm đào tạo Đại học.

Hệ Chuyên ban Quốc tế năm đầu tiên học tiếng Hoa trước, trong vòng 1 năm đầu phải thi đỗ trình độ A2 kỳ thi trắc nghiệm năng lực tiếng Hoa (TOCF), sau đó chính thức bước vào năm thứ nhất Đại học.



弘光科技大學 國際事務處 HUNGKUANG UNIVERSITY OFFICE OF INTERNATIONAL AFFAIRS

PHONE : +886-4-26318652#2234 WEB : <http://www.hk.edu.tw> E-MAIL : isadmission@hk.edu.tw

ADDRESS : No. 1018, Sec. 6, Taiwan Boulevard, Shalu District, Taichung City 433304, Taiwan (R.O.C.)



LINE@生活圈



WEBSITE

facebook welovehku